

Bộ, tỉnh: Bộ Tài nguyên và Môi trường
 Cơ quan quản lý cấp trên: Bộ Tài nguyên và Môi trường
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Tp.Hồ Chí Minh
 Mã đơn vị: 026023
 Loại hình đơn vị: DVSN công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư

Mẫu số 09b-CK/TSC

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
 NĂM 2024**

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích đất là: Mét vuông; Diện tích nhà là: Mét vuông; Giá trị là: Đồng.

| STT | Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp | Công khai về đất | | | | | | Công khai về nhà | | | | | | | | | | Ghi chú | | | | | | | |
|------------------|--|------------------|---|--|---------------------|------------|----------|---|------------------|----------------------------|-------------------------|------------|---|------------------|---------------------|------------|-------------|---------|----------------------|--------------|-----------------|--|--|--|--|
| | | Diện tích | Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán | Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai | | | | | Năm sử dụng | Tổng diện tích sàn sử dụng | Giá trị theo sổ kế toán | | Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (Lấy theo diện tích sàn sử dụng) | | | | | | | | | | | | |
| | | | | Trụ sở làm việc | Hoạt động sự nghiệp | | | | | | Sử dụng khác | Nguyên giá | GTCL | Trụ sở làm việc | Hoạt động sự nghiệp | | | | | Sử dụng khác | | | | | |
| | | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | | | | | | | Không kinh doanh | Kinh doanh | Cho thuê | | Liên doanh, liên kết | | Sử dụng hỗn hợp | | | | |
| 1 | Số 236B Lê Văn Sỹ, Phường 01, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh | 5.400,00 | 150.174.000.000 | 5.400,00 | | | | 2006 | 80,00 | 76.000.000 | | | 80,00 | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | 2012 | 152,00 | 911.568.281 | 578.431.080 | | 152,00 | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | 1993 | 275,00 | 614.560.360 | | | 275,00 | | | | | | | | | | | | |
| 4 | | | | | | | | 2021 | 256,20 | 290.015.139 | 212.639.100 | | 256,20 | | | | | | | | | | | | |
| 5 | | | | | | | | 2010 | 80,00 | 76.000.000 | | | 80,00 | | | | | | | | | | | | |
| 6 | | | | | | | | 1998 | 2.850,00 | 13.567.612.316 | 9.996.795.562 | | 2.850,00 | | | | | | | | | | | | |
| 7 | | | | | | | | 2010 | 160,00 | 583.989.201 | | | 160,00 | | | | | | | | | | | | |
| 8 | | | | | | | | 2002 | 2.241,00 | 8.085.561.441 | 5.760.962.527 | | 2.241,00 | | | | | | | | | | | | |
| 9 | | | | | | | | Số 228A, Ấp Long đức I, Phường Tam Phước, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai | 54.888,40 | 439.104.000.000 | 54.888,40 | | | | 1992 | 313,00 | 435.240.272 | | | 313,00 | | | | | |
| 10 | 2002 | 334,00 | 509.453.456 | | | 334,00 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 11 | 1987 | 302,00 | 545.287.494 | | | 302,00 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 12 | 2001 | 132,00 | 65.779.490 | | | 132,00 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 13 | 1978 | 1.305,84 | 2.581.001.851 | | | 1.305,84 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 14 | 1978 | 448,00 | 902.269.447 | | | 448,00 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 15 | 2006 | 688,00 | 1.951.392.678 | 1.209.863.460 | | 688,00 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 16 | 2006 | 2.826,00 | 6.128.142.222 | 3.799.448.178 | | 2.826,00 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 17 | 1978 | 300,00 | 401.550.000 | | | 300,00 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 18 | 1997 | 940,00 | 1.762.683.327 | | | 940,00 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 19 | 2006 | 135,50 | 222.076.000 | | | 135,50 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 20 | 2006 | 135,50 | 222.076.000 | | | 135,50 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 21 | 309/2 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 01, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh | 580,0 | 9.889.000.000,0 | 580,0 | | | | 1968 | 567,0 | 633.120.000,0 | | | 567,0 | | | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng | | 60.868,40 | 599.167.000.000 | 60.868,40 | | | | | 14.521,04 | 40.565.378.975 | 21.558.139.906 | | | 14.521,04 | | | | | | | | | | | |

Nguồn: Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên)


 Nguyễn Thành Tính

TP. HCM, ngày 31 tháng 12 năm 2024
 Hiệu trưởng
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

 Huỳnh Quyền

